

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY XÂY LẮP DẦU KHÍ NGHỆ AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2012**  
**ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2012**

## **MỤC LỤC**

	<u><b>TRANG</b></u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 28

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phan Hải Triều	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Bàng	Ủy viên
Ông Lê Phi Hùng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2012)
Ông Tô Văn Tám	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2012)
Ông Đồng Xuân Bình	Ủy viên
Ông Phan Quốc Hùng	Ủy viên
Bà Nguyễn Việt Nga	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Ngọc Bàng	Tổng Giám đốc
Ông Đồng Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Cường	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**Nguyễn Ngọc Bàng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 28 tháng 08 năm 2012

Số: 3002/2012/BCSX-IFC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT**

**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An**

**Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 08 năm 2012 từ trang 4 đến trang 28 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

---

**Khúc Đình Dũng**  
**Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV  
Ngày 28 tháng 08 năm 2012

---

**Phạm Tiến Dũng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012**

MẪU B 01 - DN/HN  
Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.015.928.802.026</b>	<b>969.682.536.891</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>16.332.373.536</b>	<b>43.992.762.122</b>
1. Tiền	111		16.332.373.536	21.492.762.122
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	22.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>46.396.322.629</b>	<b>275.299.311.334</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	46.396.322.629	275.299.311.334
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>628.028.723.320</b>	<b>497.558.121.499</b>
1. Phải thu khách hàng	131		124.344.778.808	83.881.213.723
2. Trả trước cho người bán	132		76.524.476.541	168.862.345.214
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		53.377.656.728	22.206.431.954
4. Các khoản phải thu khác	135		373.781.811.243	225.008.130.608
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	(2.400.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.3</b>	<b>239.715.605.807</b>	<b>103.062.410.301</b>
1. Hàng tồn kho	141		239.715.605.807	103.062.410.301
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>85.455.776.734</b>	<b>49.769.931.635</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		24.749.364.510	19.158.266.601
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.575.238.308	5.233.128.054
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		434.746.436	2.542.611.803
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	50.696.427.480	22.835.925.177
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.262.686.895.353</b>	<b>1.239.403.291.296</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>726.206.677.251</b>	<b>1.106.753.260.683</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	123.855.204.380	127.646.024.427
- Nguyên giá	222		246.950.743.946	244.153.715.256
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(123.095.539.566)	(116.507.690.829)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.442.628.717	120.163.380
- Nguyên giá	228		1.696.762.639	303.716.419
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(254.133.922)	(183.553.039)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	600.908.844.154	978.987.072.876
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.8</b>	<b>388.342.912.473</b>	-
- Nguyên giá	241		388.342.912.473	-
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>53.324.875.901</b>	<b>54.324.875.901</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	V.7	53.324.875.901	54.324.875.901
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>54.020.493.081</b>	<b>35.148.806.007</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		46.900.182.698	28.696.046.813
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		6.959.546.974	6.291.995.785
3. Tài sản dài hạn khác	268		160.763.409	160.763.409
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>40.791.936.647</b>	<b>43.176.348.705</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.278.615.697.379</b>	<b>2.209.085.828.187</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012**

Mẫu B 01 - DN/HN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.946.297.529.815</b>	<b>1.869.035.220.944</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>947.838.924.431</b>	<b>949.329.163.895</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	210.448.199.552	222.118.728.366
2. Phải trả người bán	312		210.057.849.618	414.669.304.268
3. Người mua trả tiền trước	313		190.922.824.656	168.381.721.400
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	26.323.166.576	11.834.595.462
5. Phải trả người lao động	315		11.482.664.356	8.452.043.737
6. Chi phí phải trả	316	V.11	91.660.370.438	71.279.454.707
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		185.891.460.121	31.502.394.712
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		21.052.389.114	21.090.921.243
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>998.458.605.384</b>	<b>919.706.057.049</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		196.316.866.238	180.184.712.304
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	801.380.668.052	735.808.270.505
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		761.071.094	761.071.094
4. Doanh thu ghi nhận trước	338		-	2.952.003.146
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>249.318.258.870</b>	<b>257.014.288.670</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>249.318.258.870</b>	<b>257.014.288.670</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		218.460.000.000	218.460.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.000.000.000	5.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		380.952.382	380.952.382
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		24.457.305.323	31.457.305.323
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		890.873.699	890.873.699
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		129.127.466	825.157.266
<b>C. LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>82.999.908.694</b>	<b>83.036.318.573</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.278.615.697.379</b>	<b>2.209.085.828.187</b>

**Nguyễn Ngọc Băng**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 28 tháng 08 năm 2012

**Nguyễn Văn Phúc**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU B 02 - DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	216.782.381.556	291.484.561.795
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		216.782.381.556	291.484.561.795
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	201.099.924.670	265.432.520.298
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.682.456.886	26.052.041.497
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20.358.876.995	24.750.962.967
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.222.070.730	22.836.670.168
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.222.070.730	22.834.085.335
8. Chi phí bán hàng	24		4.027.252.008	1.837.643.349
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.451.925.582	25.094.486.664
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.340.085.561	1.034.204.283
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.063.249.553	5.420.068.249
12. Chi phí khác	32		1.156.733.710	1.285.537.704
13. Lợi nhuận khác	40		(93.484.157)	4.134.530.545
14. Lãi/(lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.246.601.404	5.168.734.828
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.250.790.279	3.647.918.895
17. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52		(667.551.189)	(281.561.172)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.663.362.314	1.802.377.105
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		165.517.395	1.738.130.426
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		2.497.844.919	64.246.679
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	114	6

Nguyễn Ngọc Băng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 08 năm 2012

Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Phương pháp gián tiếp)

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012**

MẪU B 03 - DN/HN

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>3.246.601.404</b>	<b>5.168.734.828</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.279.075.311	11.469.859.576
Các khoản dự phòng	03	-	1.891.576.873
Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	486.750.853	123.775.824
Chi phí lãi vay	06	15.222.070.730	22.834.085.335
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>28.234.498.298</b>	<b>41.488.032.436</b>
Tăng các khoản phải thu	09	(145.959.114.076)	48.776.332.889
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	(136.653.195.506)	(12.982.320.131)
Tăng các khoản phải trả	11	190.725.822.366	(22.364.372.019)
Tăng chi phí trả trước	12	(23.795.233.794)	(15.328.475.769)
Tiền lãi vay đã trả	13	(19.709.699.238)	(17.131.632.996)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.000.000.000)	(9.119.213.740)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(108.156.921.950)</b>	<b>13.338.350.670</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ	21	(95.670.683.557)	(287.626.354.141)
Thu tiền bán thanh lý tài sản cố định	22	131.954.545	81.500.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(208.003.028.038)	(337.317.337.519)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	328.201.553.360	262.029.865.350
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.000.000.000)	(1.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.934.868.321	11.662.033.531
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>26.594.664.631</b>	<b>(352.170.292.779)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	188.341.837.578	283.296.131.183
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(134.439.968.845)	(133.532.510.522)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>53.901.868.733</b>	<b>149.763.620.661</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(27.660.388.586)</b>	<b>(189.068.321.448)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>43.992.762.122</b>	<b>241.881.688.648</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>16.332.373.536</b>	<b>52.813.367.200</b>

**Nguyễn Ngọc Bằng**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 28 tháng 08 năm 2012

**Nguyễn Văn Phúc**  
**Kế toán trưởng**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 284/QĐ-UB-ĐMDN ngày 19 tháng 01 năm 2005 của UBND tỉnh Nghệ An. Tiền thân của Công ty là Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An thuộc Sở Xây dựng Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 03 năm 1997, đăng ký cổ phần hoá ngày 22 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 08 tháng 05 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp với tổng số vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng, và đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An.

Ngày 04 tháng 05 năm 2007, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiếp nhận Công ty là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 2397/QĐ-DKVN của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An. Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 03 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 10 năm 2008 với tổng số vốn điều lệ là 45.000.000.000 đồng.

Ngày 08 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An.

Theo nghị quyết số 41/NQ-PVNC ngày 29/4/2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ lên 600 tỷ. Trong năm 2011 công ty đã hoàn thành việc tăng vốn từ 100 tỷ lên 218,46 tỷ đồng. Trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn này Công ty cổ phần Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An đã phát hành cho cổ đông chiến lược là Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam 5.000.000 cổ phiếu với giá chào bán 11.000 đồng/ cổ phiếu. tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam trong Công ty cổ phần Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An là 22,89%.

**Hoạt động chính của Công ty:**

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, điện năng (đường dây, trạm hạ thế dưới 110 KV), công trình nhà ở, công sở, thương mại, công trình cấp thoát nước;
- Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng;
- Tư vấn theo dõi, giám sát thi công các công trình xây dựng;
- Mua bán các thiết bị ngành điện, nước, sơn các loại, xe máy, đồ gỗ dân dụng, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành, ăn uống;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Đào tạo nghề ngắn hạn, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ cung ứng lao động cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động;
- Khai thác chế biến mua bán khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng các loại...);
- Kinh doanh phân bón nông nghiệp, các sản phẩm từ nông sản, dịch vụ cây giống;
- Kinh doanh các loại sản phẩm từ gỗ, khai thác và sơ chế gỗ, đồ mỹ nghệ;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Hoạt động chính của Công ty (Tiếp theo)**

- Đầu tư kinh doanh kho công nghiệp, khu đô thị, thủy điện dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy điện, điện năng, công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Trang trí nội thất, tư vấn thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán.

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 tại Thuyết minh số VII.1.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**Các ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con, giữa các công ty con của Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Công ty có 05 công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Dầu khí Nghệ An  
Địa chỉ: Khối 14, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.  
Hoạt động chính: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng.  
Giá trị đầu tư: 54.450.000.000 đồng.  
Tỷ lệ lợi ích: 99%.  
Tỷ lệ biểu quyết: 99%.
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An  
Địa chỉ: Tầng 23-24 tòa nhà Dầu khí, Số 7 Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.  
Hoạt động chính: Là công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và thương mại.  
Giá trị đầu tư: 91.645.000.000 đồng.  
Tỷ lệ lợi ích: 54%.  
Tỷ lệ biểu quyết: 54%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

3. Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An  
Địa chỉ: Km 62, quốc lộ 7, xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.  
Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh xi măng.  
Giá trị đầu tư: 202.784.937.195 đồng.  
Tỷ lệ lợi ích: 96,27%.  
Tỷ lệ biểu quyết: 96,27%.
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Dầu khí Nghệ An  
Địa chỉ: Tòa nhà Dầu khí, số 7 Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.  
Hoạt động chính: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp.  
Giá trị đầu tư: 10.199.955.452 đồng.  
Tỷ lệ lợi ích: 51%.  
Tỷ lệ biểu quyết: 51%.
5. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh  
Địa chỉ: 415 Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.  
Hoạt động chính: Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, đầu tư khu đô thị. . . .  
Giá trị đầu tư: 201.927.274 đồng.  
Tỷ lệ lợi ích: 0,56%.  
Tỷ lệ biểu quyết: 51%.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

*Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**Số năm khấu hao**

Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc và thiết bị	03 - 19
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản khác	03 - 07

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	15.350.253.858	11.681.949.184
Tiền gửi ngân hàng	982.119.678	9.810.812.938
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	22.500.000.000
	<b>16.332.373.536</b>	<b>43.992.762.122</b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
<b>Cho vay</b>	<b>45.396.322.629</b>	<b>214.311.327.857</b>
Công ty CPĐT và Xây lắp Dầu Khí số 1 Nghệ An	21.029.112.713	49.629.868.609
Công ty TNHH Xây dựng Thanh Sơn	1.000.000.000	1.000.000.000
Ông Phan Mạnh Hùng	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Dầu khí VIP Việt nam	-	114.358.289.557
Công ty CP Khoáng sản Xây dựng Dầu khí Nghệ An	18.509.000.000	19.009.000.000
Công ty CPXD Dầu khí số 3	-	2.500.000.000
Đối tượng khác	2.858.209.916	25.814.169.691
<b>Tiền gửi</b>	<b>-</b>	<b>59.987.983.477</b>
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Nghệ An	-	59.987.983.477
	<b>46.396.322.629</b>	<b>275.299.311.334</b>

**3. Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	21.770.207.933	7.517.074.107
Công cụ, dụng cụ	258.400.667	619.036.436
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	83.105.968.796	90.052.720.176
Thành phẩm	6.118.550.410	4.836.303.494
Hàng hóa	128.462.478.001	37.276.088
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>239.715.605.807</b>	<b>103.062.410.301</b>

**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng thi công công trình	29.358.610.813	22.798.108.510
Cầm cố ký cược ký quỹ ngắn hạn	21.337.816.667	37.816.667
	<b>50.696.427.480</b>	<b>22.835.925.177</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG  
TY XÂY LẮP DẦU KHÍ NGHỆ AN**

Tòa nhà Dầu khí, số 7 Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động  
từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại 01/01/2012	95.999.365.494	83.864.471.508	51.748.921.477	3.994.670.047	8.546.286.730	244.153.715.256
Mua trong kỳ	614.876.835	2.593.541.677	350.000.000	55.317.272	38.231.937	3.651.967.721
Thanh lý, nhượng bán	(271.910.265)	(255.153.857)	-	(327.874.909)	-	(854.939.031)
<b>Tại 30/06/2012</b>	<b>96.342.332.064</b>	<b>86.202.859.328</b>	<b>52.098.921.477</b>	<b>3.722.112.410</b>	<b>8.584.518.667</b>	<b>246.950.743.946</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại 01/01/2012	40.102.599.621	51.166.719.229	20.352.665.234	1.290.964.666	3.594.742.079	116.507.690.829
Khấu hao trong kỳ	3.769.008.076	1.448.393.272	1.237.701.216	134.959.370	234.020.436	6.824.082.370
Thanh lý, nhượng bán	(53.857.164)	(3.500.000)	-	(178.876.469)	-	(236.233.633)
<b>Tại 30/06/2012</b>	<b>43.817.750.533</b>	<b>52.611.612.501</b>	<b>21.590.366.450</b>	<b>1.247.047.567</b>	<b>3.828.762.515</b>	<b>123.095.539.566</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại 01/01/2012</b>	<b>55.896.765.873</b>	<b>32.697.752.279</b>	<b>31.396.256.243</b>	<b>2.703.705.381</b>	<b>4.951.544.651</b>	<b>127.646.024.427</b>
<b>Tại 30/06/2012</b>	<b>52.524.581.531</b>	<b>33.591.246.827</b>	<b>30.508.555.027</b>	<b>2.475.064.843</b>	<b>4.755.756.152</b>	<b>123.855.204.380</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự án tòa nhà Dầu khí Nghệ An	9.815.881.361	447.114.562.724
Dự án Tổ hợp Dịch vụ Nghi Phú	-	30.929.016.812
Dự án kinh doanh các sản phẩm dầu khí	-	1.097.516.805
Dự án thay đổi công nghệ, bổ sung thiết bị, nâng công suất 1.500 tấn Clinker/ngày	585.763.955.389	495.750.099.678
Khu sinh thái Hoàng Mai Ngọc	464.756.704	1.247.256.704
Khác	4.864.250.700	2.848.620.153
	<b>600.908.844.154</b>	<b>978.987.072.876</b>

**7. Đầu tư vào công ty liên kết**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Đầu tư Dầu khí V.I.P Việt Nam	46.800.000.000	46.800.000.000
Công ty CP Đầu tư Đô thị Dầu khí Cửa Lò	1.274.875.901	1.274.875.901
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí số 1 Nghệ An	5.250.000.000	5.250.000.000
Công ty CP Cơ khí Đóng tàu Nghệ An	-	1.000.000.000
	<b>53.324.875.901</b>	<b>54.324.875.901</b>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 như sau:

	<b>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)</b>	<b>Ngành nghề hoạt động</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí V.I.P Việt Nam	26,00%	26,00%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng các dự án khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch, đầu tư BĐS...
Công ty CP Đầu tư Đô thị Dầu khí Cửa Lò	0,58%	49,00%	Kinh doanh khu du lịch, nghỉ dưỡng; khách sạn; du lịch lữ hành nội địa; kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, kinh doanh bất động sản . . .
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí số 1 Nghệ An	35,00%	35,00%	Xây dựng các công trình: Công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp đến 35KV, hạ tầng kỹ thuật, công trình văn hóa, dịch vụ cho thuê văn phòng . .

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI  
KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. Bất động sản đầu tư**

Là giá trị tòa nhà Dầu khí Nghệ An tại số 7 đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với mục đích là để cho thuê. Giá trị tài sản này được trích khấu hao trong 25 năm.

**9. Vay và nợ ngắn hạn**

		<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>		<b>200.448.199.552</b>	<b>207.118.728.366</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An	(i)	90.640.047.456	93.590.080.364
Ngân hàng CP Đại Dương - CN Vinh	(ii)	17.738.500.006	14.703.648.605
Ngân hàng Công thương Bến Thủy		478.027.000	478.027.000
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu Khí VN	(iii)	22.623.638.889	22.623.638.889
Ngân hàng ĐT và PT Nghệ An - CN Bắc Nghệ An	(iv)	59.701.201.588	75.723.333.508
Vay đối tượng khác	(v)	9.266.784.613	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>		<b>10.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An		-	5.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam		10.000.000.000	10.000.000.000
		<b>210.448.199.552</b>	<b>222.118.728.366</b>

- (i) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An theo Hợp đồng số 01/2012/HĐTD ngày 15 tháng 06 năm 2012 với hạn mức tín dụng là 95.000.000.000 đồng. Lãi suất vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Thời hạn theo từng khế ước vay thông thường từ 3 đến 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ các tài sản còn lại thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên vay.
- (ii) Vay Ngân hàng CP Đại Dương - CN Vinh theo hợp đồng số 0001/2011/550/HĐ/HMTD/OBJ ngày 19 tháng 05 năm 2011 với hạn mức 30.000.000.000 đồng. Lãi suất theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm vay. Thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/1 lần. Khoản vay trên được đảm bảo bởi hình thức tín chấp.
- (iii) Vay Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí VN với hạn mức tín dụng là 22.623.638.889 đồng để trả tiền chuyển nhượng cổ phần lãi suất 5,5%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bởi hình thức tín chấp.
- (iv) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Bắc Nghệ An theo Hợp đồng số 01/2011/HĐTD/PVNC ngày 25 tháng 10 năm 2011 với hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng. Lãi suất vay là lãi ngân hàng tại thời điểm vay. Lãi suất được điều chỉnh theo lãi suất biến động của BIDV trong từng thời kỳ. Thời hạn theo từng khế ước vay thông thường từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ các tài sản còn lại thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên vay.
- (v) Các đối tượng khác là ngân hàng hoặc cá nhân do các xí nghiệp, đội thi công thuộc Công ty ký hợp đồng vay bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay dưới 1 năm, lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT	19.663.580.278	8.885.429.696
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.903.114.821	2.619.955.182
Thuế thu nhập cá nhân	496.433.714	39.164.999
Các loại thuế khác	2.260.037.763	290.045.585
	<b>26.323.166.576</b>	<b>11.834.595.462</b>

**11. Chi phí phải trả**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	69.354.927.493	47.906.867.534
Chi phí khác	22.305.442.945	23.372.587.173
	<b>91.660.370.438</b>	<b>71.279.454.707</b>

**12. Vay và nợ dài hạn**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An (i)	596.534.426.154	529.329.528.609
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công thương Cửa Lò (ii)	3.224.000.000	3.334.000.000
TCT Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (iii)	198.721.408.557	200.466.408.557
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh Vinh (iv)	1.300.000.000	1.300.000.000
Ngân hàng CP Đại Dương - CN Vinh (v)	1.600.833.341	1.378.333.339
	<b>801.380.668.052</b>	<b>735.808.270.505</b>

- (i) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An theo các Hợp đồng số 01/2010/HĐ, số 02/2010/HĐ, số 03/2010/HĐ, số 04/2010/HĐ, số 01/2009/HĐ và hợp đồng số 02/2012/HĐ để phục vụ cho dự án Đầu tư thiết bị thi công xây lắp của Công ty. Thời hạn vay dưới 10 năm, lãi suất vay là 12%/năm và thay đổi theo quy định của Ngân hàng. Thế chấp tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có đã đầu tư vào Dự án.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Công thương Cửa Lò theo hợp đồng tín dụng số 09200069/HĐTD ngày 04 tháng 08 năm 2009. Tổng số tiền vay không quá 10.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 40 tháng. Lãi suất 10,5%/năm và thay đổi theo quy định của ngân hàng. Khoản vay được dùng để đầu tư dự án khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá Cánh Sặt. Tài sản thế chấp là các máy móc, thiết bị, dụng cụ với tổng giá trị định giá là 14.397.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

- (iii) Vay trung hạn Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo hợp đồng số 032/2009/HĐTD/PVFCTH ngày 12 tháng 08 năm 2009 và hợp đồng số 007/HĐTD/PVFCTH09 ngày 31 tháng 03 năm 2010 để đầu tư máy móc thiết bị và đầu tư dự án tòa nhà dầu khí Nghệ An, Thời hạn vay dưới 9 năm. Lãi suất tính theo lãi suất do bên cho vay công bố tại thời điểm rút vốn và thay đổi theo quy định của Ngân hàng. Thế chấp tài sản được hình thành từ vốn vay.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - chi nhánh Vinh với tổng số tiền là 2.100.000.000 đồng để mua 2 xe ô tô con. Thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất vay là 1,35%/tháng cố định trong thời gian 3 tháng kể từ ngày hợp đồng tín dụng có hiệu lực và thay đổi theo quy định của Ngân hàng. Tài sản thế chấp là phương tiện vận tải với tổng giá trị định giá là 3.069.700.000 đồng.
- (v) Vay Ngân hàng CP Đại Dương - CN Vinh theo hợp đồng số 0073/2010/HĐTD02-OCEAN BANK07 với số tiền vay 1,6 tỷ đồng mua máy đào bánh xích phục vụ thi công các công trình của công ty; Thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 15%/năm, HĐ số 0200/2010/HĐTD02-OCEAN Bank 07 số tiền vay 540 triệu mua xe ô tô 7 chỗ hiệu TOYOTA FORTUNER. Thời hạn vay 36 tháng; lãi suất 18%/năm; lãi suất điều chỉnh 3 tháng 1 lần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY XÂY LẮP DẦU  
KHÍ NGHỆ AN**

Tòa nhà Dầu khí, số 7 Quang Trung, TP.Vinh, Tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động  
từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**13. Vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tại 01/01/2011</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>380.952.382</b>	<b>8.083.750.659</b>	<b>6.885.584.748</b>	<b>56.059.361.353</b>	<b>171.409.649.142</b>
Tăng vốn	118.460.000.000	5.000.000.000	-	-	-	-	123.460.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(2.162.840.454)	(2.162.840.454)
Chi cổ tức	-	-	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	23.373.554.664	15.774.611.110	(62.840.685.792)	(23.692.520.018)
Chi các quỹ	-	-	-	-	(21.769.322.159)	21.769.322.159	-
<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>218.460.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>380.952.382</b>	<b>31.457.305.323</b>	<b>890.873.699</b>	<b>825.157.266</b>	<b>257.014.288.670</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	2.497.844.919	2.497.844.919
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	(5.171.353)	(5.171.353)
Chi quỹ (*)	-	-	-	(7.000.000.000)	-	-	(7.000.000.000)
Giảm khác (**)	-	-	-	-	-	(3.188.703.366)	(3.188.703.366)
<b>Tại 30/06/2012</b>	<b>218.460.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>380.952.382</b>	<b>24.457.305.323</b>	<b>890.873.699</b>	<b>129.127.466</b>	<b>249.318.258.870</b>

(\*)Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 35/NQ-PVNC ngày 26 tháng 04 năm 2012, Công ty dùng Quỹ đầu tư phát triển để chi trả cổ tức tạm ứng trong năm 2011 do kết quả kinh doanh năm 2011 của Công ty bị lỗ.

(\*\*)Công ty hạch toán khoản thuế TNDN bị truy thu của năm 2010 và năm 2011 theo biên bản thanh tra thuế của Cục thuế Tỉnh Nghệ An.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI  
KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****14. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động xây dựng, bộ phận hoạt động kinh doanh bất động sản và bộ phận hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 03 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 03 bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận hoạt động xây dựng: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông...

Bộ phận kinh doanh bất động sản: Bán căn hộ ở chung cư cao tầng và nhà ở liền kề . . .

Bộ phận sản xuất và cung cấp dịch vụ: Hoạt động sản xuất công nghiệp và cho thuê kiốt và khác . .

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất ( Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012)**

	<b>Hoạt động xây dựng VND</b>	<b>Hoạt động KD bất động sản VND</b>	<b>Hoạt động SX và cung cấp dịch vụ VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	964.748.967.429	475.387.754.912	671.701.610.271		2.111.838.332.612
Tài sản không phân bổ					166.777.364.767
Tổng tài sản hợp nhất	964.748.967.429	475.387.754.912			2.278.615.697.379
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	1.085.483.194.403	285.480.411.896	575.333.923.516		1.946.297.529.815
Nợ phải trả không phân bổ					-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	1.085.483.194.403	285.480.411.896	575.333.923.516		1.946.297.529.815

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (từ 01/01/2012 đến 30/06/2012)**

	<b>Hoạt động xây dựng VND</b>	<b>Hoạt động KD bất động sản VND</b>	<b>Hoạt động SX và cung cấp dịch vụ VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	146.815.566.839	19.349.468.279	50.617.346.438	-	216.782.381.556
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các BP khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	146.815.566.839	19.349.468.279	50.617.346.438	-	216.782.381.556
Khấu hao và chi phí phân bổ	149.758.147.117	16.250.728.673	52.570.226.471	-	218.579.102.260
<b>Kết quả kinh doanh</b>					
Kết quả kinh doanh bộ phận	(2.942.580.278)	3.098.739.606	(1.952.880.033)	-	(1.796.720.704)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.942.580.278)	3.098.739.606	(1.952.880.033)	-	(1.796.720.704)
Doanh thu từ các khoản đầu tư					20.358.876.995
Lỗ khác					(93.484.157)
Chi phí tài chính					15.222.070.730
Lợi nhuận trước thuế					3.246.601.404
Chi phí thuế TNDN					583.239.090
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>					<b>2.663.362.314</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**13. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất ( Tại ngày 01 tháng 01 năm 2012)**

	<b>Hoạt động xây dựng VND</b>	<b>Hoạt động KD bất động sản VND</b>	<b>Hoạt động SX và cung cấp dịch vụ VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	1.547.200.047.307	-	485.242.988.145		2.032.443.035.452
Tài sản không phân bổ					176.642.792.735
Tổng tài sản hợp nhất	1.547.200.047.307	-	485.242.988.145	-	2.209.085.828.187
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	1.412.069.952.144	-	456.965.268.800		1.869.035.220.944
Nợ phải trả không phân bổ					-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	1.412.069.952.144	-	456.965.268.800	-	1.869.035.220.944

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (từ 01/01/2011 đến 30/06/2011)**

	<b>Hoạt động xây dựng VND</b>	<b>Hoạt động KD bất động sản VND</b>	<b>Hoạt động SX và cung cấp dịch vụ VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	284.398.147.446	-	7.086.414.349	-	291.484.561.795
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các BP khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	284.398.147.446	-	7.086.414.349	-	291.484.561.795
Khấu hao và chi phí phân bổ	285.983.351.630	-	6.381.298.681	-	292.364.650.311
<b>Kết quả kinh doanh</b>					
Kết quả kinh doanh bộ phận	(1.585.204.184)	-	705.115.668	-	(880.088.516)
Chi phí không phân bổ					
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.585.204.184)	-	705.115.668	-	(880.088.516)
Doanh thu từ các khoản đầu tư					24.750.962.967
Lãi (lỗ) khác					4.134.530.545
Chi phí tài chính					22.836.670.168
Lợi nhuận trước thuế					5.168.734.828
Chi phí thuế TNDN					3.366.357.723
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>					<b>1.802.377.105</b>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 8, 9 tòa nhà dầu khí Nghệ An, số 7 đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Công ty có một chi nhánh tại tỉnh Hà Tĩnh tuy nhiên doanh thu của chi nhánh này quá nhỏ. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	146.815.566.839	284.398.147.446
Doanh thu bất động sản	19.349.468.279	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.617.346.438	7.086.414.349
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>216.782.381.556</b>	<b>291.484.561.795</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</b>
Giá vốn hợp đồng xây dựng	137.920.398.369	259.705.980.934
Giá vốn bất động sản	14.690.579.781	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	48.488.946.520	5.726.539.364
	<b>201.099.924.670</b>	<b>265.432.520.298</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.358.876.995	18.038.658.102
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	4.065.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.647.304.865
	<b>20.358.876.995</b>	<b>24.750.962.967</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</b>
Lãi tiền vay	15.222.070.730	22.834.085.335
Chi phí tài chính khác	-	2.584.833
<b>Cộng</b>	<b>15.222.070.730</b>	<b>22.836.670.168</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5. Thu nhập khác**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</b>
Chênh lệch đánh giá lại TS từ góp vốn vào công ty con	-	3.114.314.121
Thu nhập khác	1.063.249.553	2.305.754.128
<b>Cộng</b>	<b>1.063.249.553</b>	<b>5.420.068.249</b>

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</b>	<b>2.497.844.919</b>	<b>64.246.679</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>2.497.844.919</b>	<b>64.246.679</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	21.846.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>114</b>	<b>6</b>
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</b>
Chi phí nguyên liệu vật liệu	86.652.596.940	97.850.893.554
Chi phí nhân công	26.729.477.422	30.953.185.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.658.527.438	13.739.498.137
Chi phí dịch vụ mua ngoài	141.130.358.156	176.678.555.994
Chi phí khác	7.886.778.202	10.332.398.145
	<b>266.057.738.158</b>	<b>329.554.531.587</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

- Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn khác.

- Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay. Mục đích của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ tại ngày</b>	
	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	16.332.373.536	43.992.762.122
Phải thu khách hàng và phải thu khác	551.504.246.779	328.695.776.285
Đầu tư ngắn hạn	46.396.322.629	275.299.311.334
<b>Cộng</b>	<b>614.232.942.944</b>	<b>647.987.849.741</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ	1.011.828.867.604	957.926.998.871
Phải trả người bán và phải trả khác	395.949.309.739	446.171.698.980
Chi phí phải trả	91.660.370.438	71.279.454.707
<b>Cộng</b>	<b>1.499.438.547.781</b>	<b>1.475.378.152.558</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính ( Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối).

*Phải thu của khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và có nhân viên kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại nhiều ngân hàng. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 đến 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tại ngày 30/06/2012</b>			
Các khoản vay và nợ	210.448.199.552	801.380.668.052	1.011.828.867.604
Phải trả người bán và phải trả khác	395.949.309.739	-	395.949.309.739
Chi phí phải trả	91.660.370.438	-	91.660.370.438
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>			
Các khoản vay và nợ	222.118.728.366	735.808.270.505	957.926.998.871
Phải trả người bán và phải trả khác	446.171.698.980	-	446.171.698.980
Chi phí phải trả	71.279.454.707	-	71.279.454.707

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 đến 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tại 30/06/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.332.373.536	-	16.332.373.536
Phải thu khách hàng và phải thu khác	498.126.590.051	-	498.126.590.051
Đầu tư tài chính	46.396.322.629	-	46.396.322.629
<b>Tại 01/01/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.992.762.122	-	43.992.762.122
Phải thu khách hàng và phải thu khác	308.889.344.331	-	308.889.344.331
Đầu tư tài chính	275.299.311.334	-	275.299.311.334

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Thông tin về các bên liên quan**

*Giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:*

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Công ty CP Xây dựng Dầu khí số 3 Nghệ An	10.691.898.665	-
	<b>10.691.898.665</b>	<b>-</b>

*Số dư với các bên liên quan như sau:*

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty cổ phần xây dựng dầu khí số 3 Nghệ An	764.390.900	7.465.438.784
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty cổ phần xây dựng dầu khí số 3 Nghệ An	5.453.703.915	1.134.759.600

**3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.

**Nguyễn Ngọc Bằng**  
**Tổng Giám đốc**

*Ngày 28 tháng 08 năm 2012*

**Nguyễn Văn Phúc**  
**Kế toán trưởng**